Phật Giáo Dân Gian của Pháp Môn Tịnh Độ (Pháp sư Tịnh Không; Minh Chánh dịch)

Tịnh Độ — sách & giảng giải

PHẬT GIÁO NHÂN GIAN CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Tác giả:Pháp Sư Tịnh Không Người dịch: Minh Chánh

MỤC LỤC Lời giới thiệu.....1

Lời người dịch.....3

Chương I

ĐỀ XUẤT PHẬT GIÁO TẠI NHÂN GIAN

Nhơn sanh phật giáo.....4

Nhân gian phật giáo.....5

Chương II

HÀM NGHĨA CỦA NHÂN GIAN PHẬT GIÁO

Giải thích danh từ.....7

Quan hệ biện chứng.....8

Dùng ví dụ để nói rõ.....8

Chương III

ĐẶC CHẤT NHÂN GIAN PHẬT GIÁO CỦA

PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Đặc chất phật giáo của pháp môn Tịnh độ.....10

Đặc chất nhân gian của pháp môn Tịnh độ.....11

Pháp môn Tịnh độ là nhu cầu tất yếu của nhân gian.....11

Tịnh độ là pháp môn nhân gian có thể thực hiện.....12

Pháp môn Tịnh độ dem lại lợi ích

rốt ráo viên mãn cho nhân gian.....14

Chương IV

SỨ MẠNG NHÂN GIAN PHẬT GIÁO CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Định vị lịch sử.....18

Định vị hiện thực.....19

Dùng ví dụ để chứng minh.....20

Chương V

THỰC TIỄN PHẬT GIÁO NHÂN GIAN CỦA

PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Nhận thức căn bản.....23

Bảy yêu cầu cụ thể.....24

Lời giới thiệu Có thể nói Tịnh độ là một pháp môn rất phổ biến và thích ứng với mọi tầng lớp từ bình dân cho đến tri thức trong xã hội dù trãi qua bất cứ thời đại nào. Tính ưu việt của pháp môn này chính là dễ thực hành và nếu nhiệt tâm niệm phật, thì chắc chắn ai cũng có thể vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Ở chùa tôi, cứ mỗi nữa tháng đều có tổ chức khóa tu niệm Phật dành cho cả tăng lẫn tục, và tôi nhận thấy càng ngày càng có tiến triển thực sự khi áp dụng pháp môn này. Ngay cả lúc đi đứng nằm ngồi trong sinh hoạt thường ngày, tôi cũng luôn tự áp dụng cho mình và khuyên bảo người khác cố gắng niệm Phật vì rất có hiệu nghiệm.

Trong thời mạt pháp, thiết nghỉ chỉ có pháp môn này mới phù hợp với quần sanh nhất, nên Pháp Sư Tịnh Không đã dày công tu tập và biên soạn tác phẩm này để nói lên tâm huyết của mình trong sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh cũng như thực hiện theo bản hoài của chư Phật. Tôi nhận thấy hiện nay, hầu như tất cả các tự viện trong nước như chùa Hoằng Pháp tại Hóc Môn, chùa Vạn Phật Quang Đại Tòng Lâm ở tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu v.v đều ứng dụng phương pháp này vào trong khóa tu thường ngày và rất có hiệu quả. Bởi vậy, chúng ta nên tổ chức nhiều hơn những khóa tu niệm Phật cũng như thiết lập thêm nhiều niệm phật đường để khuyên bảo người niệm phật nhiều hơn nữa nhằm đem lại lợi ích vô biên cho quần sanh.

Hiện nay, trong nước có các bậc cao Tăng đã ứng dụng pháp môn này một cách triệt để và rất thành công đặc biệt là Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, một bậc mô phạm với đạo phong trác việt vô song. Trước đây, tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, có cố Hòa Thượng Thích Đồng Huy suốt đời chỉ gắn liền với danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật và đạt được lợi ích không nhỏ. Ngay cả khi sắp thị tịch, Hòa Thượng còn nhắc nhở chúng tôi phải cố gắng niệm Phật để tịnh hóa nhân gian.

Đại đức Thích Minh Chánh đã từng là học trò của tôi và hiện nay đang du học tại Ấn Độ. Tuy còn tre, nhưng thầy rất có tâm huyết trăn trở về việc đổi mới giáo dục phật giáo đương thời cũng như định hướng phát triển trong tương lai. Cách đây nữa tháng, thầy có gọi điện về nhờ tôi viết lời giới thiệu cho dịch phẩm

này. Nhận thấy đây là một tác phẩm rất có giá trị phù hợp với mọi tầng lớp cũng như góp phần tích cực truyền bá phật pháp trong xã hội hiện nay, nên tôi tôi đồng ý chấp bút cẩn chí. Vậy, kính mong chư vị từ bình dân đến tri thức đón nhận ngỏ hầu đem lại lợi ích đích thực cho chính mình và tha nhân.

Vạn Hạnh ngày 2/5/2010

H.T THÍCH NGUYÊN TRỰC

Trưởng Ban Tăng Sự kiêm Phó Ban Trị Sự Phật Giáo

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Lời người dịch Phật giáo, ngày nay, đã trở thành nền tảng căn bản của nhân loại và có mặt khắp trong mọi lãnh vực hoạt động của xã hội. Nhu cầu tất yếu của con người chính là hạnh phúc. Phật giáo đã đáp ứng được nhu cầu ấy của nhân loại dù trãi qua bất cứ thời đại nào và trong bất cứ hoàn cảnh nào nếu con người biết thực tập sống theo giáo lý mà đức Phật giảng thuyết. Trong muôn vàn pháp tu của phật giáo, Tịnh độ là pháp môn có tầm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống nhân sinh cũng như hòa mình vào mọi ngỏ nghách của cuộc sống nhằm mang lại lợi ích thiết thực nhất. Hơn nữa, pháp môn này rất dễ thực hành, nên nó vô cùng phù hợp với mọi tầng lớp trong xã hội và được giới phật giáo trên thế giới tiếp nhận một cách nồng nhiệt, có hiệu quả.

Tác phẩm này được Pháp Sư Tịnh Không biên soạn rất công phu chu đáo. Tuy không đồ sồ như các tác phẩm khác, nhưng nó bao hàm đầy đủ ý nghĩa của pháp môn Tịnh độ cũng như cách thức tu trì biến dụng qua từng trạng thái tâm. Nó hiển bày rõ quá trình tu tập của hành giả một cách chắc chắn và hệ thống hóa cặn kẻ về Tịnh độ cho những ai muốn thực tập cũng như nghiên cứu pháp môn Tịnh độ. Phải nói đây là cẩm nang mà người dịch thiết nghỉ nếu ai muốn tìm hiểu và tu Tịnh độ, cần phải nên có.

Cẩn chí Minh Chánh

PHẬT GIÁO NHÂN GIAN CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Chương I

ĐỀ XUẤT PHẬT GIÁO TẠI NHÂN GIAN

1.Nhơn sanh phật giáo.

Xưa nay, phật giáo là mấu chốt rất quan trọng của nhơn sanh (nhân loại), nhưng trong thời cận đại, một số người cho rằng phật giáo dường như chẳng liên hệ gì đến nhơn sanh, ngược lại còn đặt nặng vào hình thức siêu độ người chết và ma quỷ, do đó, thường khiến cho phần đông trong xã hội hiểu lầm và phỉ báng phật giáo. Đại sư Thái Hư đã nhận rõ điều này nên đề xuất chủ trương “nhơn sanh phật giáo”1để đối trị quan điểm “phật giáo của ma quỷ và người chết”, đồng thời kiến lập tư tưởng nhơn sanh của đạo đức một cách hợp lý, tức con người nương vào sự thực hành Bồ-tát hạnh nhằm tiến đến mục đích rốt ráo là phật quả. Đây chính là nhơn sanh phật giáo.

2.Nhơn gian phật giáo2.

Tư tưởng của nhơn sanh phật giáo luôn chấn chỉnh cái mới và bại trừ cái củ, do đó, thường xuyên nhận được sự đồng tình của nhân sĩ tri thức trong giới phật giáo, và đạt đến sự kế thừa, phát triển, hình thành nên tư trào “nhơn gian phật giáo” được toàn thể giới phật giáo cùng đề cử ngày nay.

“Nhơn sanh phật giáo” và “nhơn gian phật giáo”, tuy trên mặt tổng thể có phần rất giống nhau, nhưng phân tích chi ly hơn thì cũng có phần khác biệt. Tuy nhiên, cách đề xuất của nhơn gian phật giáo rất gần gủi với thời đại. “Nhơn gian” nghĩa là “nhân thế

gian” , “nhân loại gian” hay là mối quan hệ giữa con người với con người, cũng có nghĩa tương tợ với “nhơn sanh”, nó không chỉ bao hàm quan điểm lấy con người làm đặc chất căn bản mà còn đặc biệt nhấn mạnh tính hài hòa cộng thông giữa con người với con người, cũng tức là nêu rõ sự lợi ích của quần thể, sự tiến bộ và phồn vinh của cộng đồng. Điều này đối với sự phát triển cao tốc mà nói thì giữa con người với con người, giữa quốc gia với dân tộc, giữa quốc gia này và quốc gia khác có sự giao lưu qua lại ngày càng mật thiết không thể tách rời; nhưng căn cứ vào sự phân tranh xung đột luôn khởi lên bốn phía trong xã hội hiện đại mà nói, thì đặc biệt nó có ý nghĩa rất hiện thực.

1 Nhơn sanh phật giáo: Phật giáo của toàn thể nhân loại, nghĩa là phật giáo luôn có mặt trong nhân loại để thực hiện lợi ích cho nhân loại. 2 Nhơn gian phật giáo: Phật giáo có mặt trong nhân gian và làm lợi ích cho nhân gian.

Nhơn sanh phật giáo hoặc cho rằng chỉ chú trọng đến người sống chứ không quan tâm đến người chết: chỉ quan tâm đến hiện sinh ngắn ngủi tạm thời, mà không thấy rõ tương lai vĩnh cữu. Do đó, tạo nên sự hiểu lầm mang tính bài xích trái với quan điểm căn bản của nhơn sanh phật giáo. Nay, nói về nhơn gian phật giáo chính là đề cập đến sự hàm dung. Nói đến “nhơn thế gian” là nói đến sự liên thông của ly hợp buồn vui, sanh già bệnh chết, khổ vui của tất cả cá nhân; sự hợp tác giao lưu và phân tranh xung đột giữa đoàn thể, dân tộc, khu vực, quốc gia; ỷ lại vào hạnh phúc chung trong sự tiến bộ, đối mặt với vấn đề chung trong quá trình phát triển của toàn thể nhân loại; tất cả vạn tượng giữa nhân thế, giữa nhân loại, giữa con người, giữa cá nhân đều là điều mà Phật giáo nhơn gian quan tâm đến, cũng chính là lập trường chỉ đạo của Phật giáo.

Nhân gian phật giáo là sự đáp ứng như thế nào của Phật giáo trong thời đại phat triển hiện tại, là cụ thể hóa thời đại với mệnh đề “khế lý khế cơ”3xưa nay của Phật giáo.

Nhân gian phật giáo, không những có ý nghĩa chỉ đạo đối với hiện đại, mà còn có ý nghĩa chỉ đạo đối với tương lai. Khi nói đến nhân gian chính là chỉ cho khái niệm của toàn thể thời gian biến động chứ không phải hạn cuộc ở bất cứ một thời đại nào, chỉ cần nhân loại còn tồn tại trên trái đất này thì đều gọi là nhân gian: nhân gian phật giáo tất nhiên cũng có nhu cầu tiến triển đồng bộ cùng với thời đại.

3 Khế lý khế cơ: Là một thuật ngữ thông dụng được dùng phổ biến trong phật giáo. Thuật ngữ này có nghĩa trong một đời giáo đạo của mình, đức Phật luôn nói đúng chân lý và phù hợp với thính chúng nghe pháp. Bởi vậy, khế lý là phù hợp với chân lý, khế cơ là phù hợp với căn cơ hay khả năng tiếp nhận của người nghe.

Chương II

HÀM NGHĨA CỦA NHÂN GIAN PHẬT GIÁO

1.Giải thích danh từ

Nhân gian phật giáo, nếu căn cứ theo chữ nghĩa mà nói, thì kết hợp hai đặc tính “nhân gian” và “phật giáo”. Đặc tính của nhân gian là lấy con người làm gốc, chứ không tách rời nhân gian: sinh tồn trong nhân gian, phát triển ở nhân gian, phục vụ nhân gian,

hóa độ nhân gian, đem lại lợi ích cho nhân gian chứ hoàn toàn không phải thuyết hư ngụy của "thần dị quỷ quái"4. Đặc tính của phật giáo, tuy nói tồn tại trong nhân gian, nhưng hoàn toàn không ngừng lại ở nhân gian mà còn lấy sự giải thoát thành phật của phật giáo làm mục đích tối hậu. Điều này cũng có nghĩa tuy tồn tại trong nhân gian, nhưng vẫn duy trì bản chất đặc thù của phật giáo: hoàn toàn không đánh mất bản chất của phật giáo xuất thế giải thoát để trở thành học thuyết thế gian của thuận thế mị tục5

4
Thần dị quỷ quái: Quan điểm mê tín dị đoan với quỷ thần mộng mị không thực tế.
5
Thuận thế mị tục: Thuyết lừa bịp nhân gian với lời lẽ hoa mĩ.

Hơn nữa, nhân gian phật giáo là chỉ cho phật giáo mà nhân loại có thể thực hành, mọi người có thể làm được, mọi người có thể đạt ngộ giải thoát, cũng là phật giáo mà mọi người có thể tu hành thành phật. Nếu phật giáo mà chỉ có Đại Bồ-tát có thể làm được, thì chỉ gọi là phật giáo của Bồ-tát; phật giáo chỉ có Đại A-la-hán mới thực hiện được, thì chỉ gọi là phật giáo của A-la-hán. Như hạnh nguyện suốt một ngàn hai trăm năm đốt thân để cúng dường Phật của Bồ-tát Dược Vương trong kinh Pháp Hoa, hoặc hành động "căn nhà mười mét dung chứa cả thái hư, tâm tịnh cõi nước tịnh" của cư sĩ Duy Ma Cật trong kinh Duy Ma. Những hình ảnh này đều là phật giáo, nhưng đây chỉ là phật giáo của chúng sanh trong nhân gian vọng hướng, chứ chẳng phải phật giáo mà mọi người trong nhân gian có thể thực hành, nên không thể gọi đó là nhân gian phật giáo. Phật giáo không chỉ là nhân gian, nhưng nay nói nhân gian phật giáo tức là đứng trên lập trường của nhân gian, dựa vào quan điểm của nhân gian để hình thành nên sự nghiên cứu thực tiễn rất sát cánh, gần gủi và thiết thực đối với phật giáo.

2.Quan hệ biện chứng.

Nhân gian là nhập thế6, phật giáo là xuất thế7, vậy, nhân gian phật giáo tức là biện chứng thống nhất của xuất thế và nhập thế. Lấy tinh thần xuất thế để tạo ra sự nghiệp nhập thế: không hề loại bỏ sự nghiệp của thế gian, nhưng đạt thành giải thoát xuất thế.

Nhân gian là đối tượng (khế cơ) giáo hóa, phật giáo là chủ thể (khế lý) giáo hóa, vậy, nhân gian phật giáo tức là biện chứng thống nhất của chủ thể và đối tượng (khế lý và khế cơ). Tuy hợp với chân lý của phật giáo, nhưng không phù hợp với căn cơ của nhân gian; hoặc tuy thuận với phàm tình của con người, nhưng không phù hợp với chân lý của phật giáo, thì chẳng phải là nhân gian phật giáo.

Nhân gian là phàm tục, phật giáo là thần thánh, vậy, nhân gian phật giáo tức là biện chứng thống nhất của phàm và thánh.

6 Nhập thế: Là hành động cao thượng của các bậc tu chứng. Sauk hi viên thành đạo quả, các Ngài chấp nhận dấn thân vào ba cõi sáu đường để giáo hóa chúng sanh mặc dù có lắm điều phiền toái. 7 Xuất thế: Là thoát ra khỏi ba cõi đầy dẫy ô trược.

Nhân gian là hình thức, phật giáo là nội dung, vậy, nhân gian phật giáo là biện chứng thống nhất của hình thức và nội dung.

Nhân gian là điểm xuất phát, phật giáo là mục đích đến, vậy, nhân gian phật giáo là biện chứng thống nhất của điểm xuất phát và mục đích đến.

3.Dùng ví dụ để nói rõ.

Ví như làm từ thiện để cứu tế, hoàn toàn không nghi ngờ nhân gian. Có người cho rằng đoàn thể phật giáo, tự viện (chùa chiền) phật giáo, cá nhân phật giáo lấy sự nghiệp từ thiện cứu tế xã hội để tiến hành nhân gian phật giáo. Điều này không nhất định như thế. Chỉ có dùng tâm Bồ-đề rộng lớn thực hiện các việc thiện ở đời rồi hồi hướng về quả vị Bô-đề Vô Thượng (quả vị Phật) để cầu mong dần dần tăng tiến, sau cùng viên thành quả Phật; hoặc dùng tâm tâm nguyện vãng sanh, hồi hướng về Tịnh Độ (cõi nước thanh tịnh của Phật Di Đà) để cầu vãng sanh vào cõi Phật nhanh chóng đạt được quả vị Bất Thối (quả vị không thối chuyển), đây mới có thể nói là tiến hành nhân gian phật giáo. Ngược lại, nếu không có đủ tâm Bồ-đề, tâm nguyện vãng sanh, mà chỉ hoàn toàn xuất phát từ tâm đồng tình, tâm thân hữu, thì dù trở thành tăng sĩ xuất gia bố thí ngàn vạn ức châu báu, tạo dựng sự nghiệp từ thiện rộng lớn, cũng hoàn toàn chỉ là làm việc thiện bình thường ở đời chứ không liên quan gì đến phật giáo giải thoát, và không thể nói đó là thực hiện nhân gian phật giáo. Kinh Hoa Nghiêm nói: “nếu đánh mất tâm Bô-đề mà tu dưỡng các pháp thiện, thỉ đó là công việc của ma quỷ”.

Chương III

ĐẶC CHẤT NHÂN GIAN PHẬT GIÁO CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

1. Đặc chất phật giáo của pháp môn tịnh độ.

Pháp môn “tịnh độ” được trình bày trong quyển sách này đặc biệt chỉ cho pháp môn tịnh độ của đức Phật A Di Đà, cũng chính là pháp môn nương tựa vào nguyện lực của Phật A Di Đà để được vãng sanh về cõi nước Cực Lạc ở phương Tây.

Nói đến đặc chất của phật giáo tức là nói đến bản chất đặc hữu của phật giáo. Nếu có đủ đặc chất này tức là phật giáo. Ngược lại, nếu không có đủ đặc chất này thì không phải phật giáo. Căn cứ vào quan điểm thiển cận mà nói, thì đó là xuất thế giải thoát; còn đứng trên lập trường rốt ráo mà nhìn nhận, thì đó là viên mãn thành Phật.

Pháp môn tịnh độ lấy sự vãng sanh về cõi nước của Phật A Di Đà làm mục đích. Một khi được vãng sanh, thì nghiệp ràng buộc trong ba cõi đều vĩnh viễn đoạn trừ và quả Phật Vô Thượng tự nhiên thành tựu viên mãn. Do vậy, đặc chất của phất giáo ấy không dễ gì bàn luận. Không chỉ như thế, mà trong “tất cả các pháp môn Phật thuyết”, hay trong các pháp môn của tám tông phái đại thừa ở Trung Quốc, khi luận bàn về đặc chất của phật giáo, thì chỉ có pháp môn tịnh độ đã biểu hiện một cách rất rõ ràng và bảo tồn đặc chất ấy một cách rất hoàn bị không thể miễn cưỡng hiểu lầm. Cách nói này hoàn toàn không quá đáng. Các pháp môn khác như “tự tánh thanh tịnh, xưa nay là Phật” của Thiền tông; hay “tâm Phật chúng sanh, cả ba không sai biệt” của kinh Hoa Nghiêm; hoặc “tâm tịnh cõi nước tịnh” của kinh Duy Ma Cật v.v thường xuyên bị người có tri thức nông cạn hiểu lầm rằng: không cần dụng công tu hành, không cần mong giải thoát, không cần cầu thành Phật, không cần cầu vãng sanh, đây thực sự là sai lầm rất

lớn, hoàn toàn không phải ngữ khí của phật giáo.

2. Đặc chất nhân gian của pháp môn tịnh độ.

Ở đây, chúng ta lược phân ra ba khía cạnh để nói rõ: đặc chất thuộc nhu cầu của nhân gian, đặc chất mà nhân gian có thể thực hiện, đặc chất đem lại lợi ích viên mãn cho nhân gian.

a. Pháp môn tịnh độ là nhu cầu tất yếu của nhân gian

Nói đến nhu cầu của nhân gian tức nói đến bất cứ ai trong nhân loại đều có nhu cầu, chỉ cần bất cứ thời đại nào nhân loại còn tồn tại thì đều có nhu cầu.

Một đời người thấp thoáng qua mau: mỗi ngày trôi qua, bận rộn đủ thứ với hàng ngàn suy nghỉ và hàng vạn công việc. Vậy, ý nguyện căn bản người ấy là gì? Nhu cầu của người ấy là gì? Người ấy cầu mong gì? Nói một cách rất đơn gian là bỏ khổ tìm vui! Đây là bản năng truy tìm của con người, ai cũng như vậy, chứ không ai không đi tìm hạnh phúc khoái lạc, không ai muốn chuốc lấy bất hạnh thống khổ.

Pháp môn tịnh độ hướng dẫn mọi người cầu sanh về cõi nước thanh tịnh Cực Lạc. Liên quan đến tên gọi Cực Lạc và lý do cầu sanh về thế giới Cực Lạc, kinh

Vô Lượng Thọ, một trong ba kinh của tông Tịnh Độ, nói: “không có tam đồ8 và danh từ khổ nạn, chỉ có tự nhiên với âm thanh khoái lạc. Cho nên cõi nước ấy được gọi là Cực Lạc”. Lại nói: “hoàn toàn không có trên dưới, mênh mông không bờ bến, nên mỗi người đều nổ lực tinh tấn tự cầu sanh vể thế giới Cực Lạc. Khi được siêu tuyệt, vãng sanh về cõi nước An Lạc, nếu nghỉ về năm đường ác, thì khung cữa của năm đường ác tự nhiên đóng lại”.

Kinh A Di Đà nói: “chúng sanh trong cõi nước ấy hoàn toàn không nhận chịu các khổ não, mà chỉ thọ nhận các điều an vui, cho nên gọi là Cực Lạc”.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “nơi không có ưu não, ta nay vãng sanh. Không giống như cõi Diêm-phù-đề9 đầy dẫy những điều xấu ác”.

Hơn nữa, Vãng Sanh Luận Chú nói: “ kinh nói: nếu có người nghe đến cõi nước thanh tịnh An Lạc kia, rồi khắc niệm nguyện sanh, thì cũng được vãng sanh, liền nhập vào chánh định. Đây là tên gọi của cõi nước ấy làm phật sự, thật khó nghĩ bàn!”.

Cực Lạc còn được gọi là An Lạc. Nếu nghe đến tên cõi nước này mà vui vẽ nguyện sanh, thì trong nhất niệm liền được vãng sanh. Do việc thiết lập tên gọi Cực Lạc, cho nên biết được pháp môn tịnh độ có mối liên hệ ân cần gần gủi như thế nào với ý nguyện rất căn bản của tính chất con người. Mối quan hệ này siêu việt cả chủng tộc, siêu việt quốc gia, siêu việt giai cấp, siêu việt tất cả hình thái ý thức, cho đến siêu việt tôn giáo, vì là nhu cầu rất cần thiết của của con người: quá khứ cũng thế, hiện tại cũng thế, tương lai cũng thế.

Nên biết, bản năng của con người vốn rất thích Cực Lạc. Đây là đặc chất thứ nhất về nhân gian của pháp môn tịnh độ.

b. Tịnh độ là pháp môn nhân gian có thể thực hiện.

Nói đến việc nhân gian có thể thực hiện, nếu căn cứ vào đoàn thể mà nói, thì chỉ cần chúng sanh trong nhân gian là có thể thực hiện. Nếu y cứ vào thời đại mà

8

Tam đồ: Là ba cõi ác, tức là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

9

Diêm-phù-đề: Là tên gọi khác của cõi Ta-bà, tức thế giới mà chúng ta đang sống.

nhìn nhận, thì chỉ cần nhân loại tồn tại là có thể thực hiện. Do vậy, tuy là nhu cầu của nhân gian, nhưng nếu rốt cuộc không phải pháp môn có thể thực hiện tại nhân gian, thì cũng không đầy đủ đặc chất của nhân gian. Ví như giao thông qua lại tự do là nhu cầu của nhân gian. Nếu thần tiên ở trên trời đi lại bằng lực thần thông, thì chẳng phải điều nhân gian có thể thực hiện, cho nên không có đủ đặc chất của nhân gian. Chúng ta ngồi trên phi cơ tức là phương thức giao thông tự do thuộc đặc chất của nhân gian.

Cách thức thực hành của pháp môn tịnh độ có vô lượng, nhưng đại khái phân làm hai loại là cộng pháp và bất cộng pháp.

Cộng pháp: thực hiện tất cả các thiện hạnh thông suốt thế gian và xuất thế gian, chỉ cần hồi hướng cầu sanh về Tịnh độ, thì liền trở thành pháp hành của Tịnh độ. Điều này được trình bày rất rõ ràng qua “tâm chí thành, tâm sâu sắc, tâm nguyện hồi hướng” trong kinh Quán Vô Lượng Thọ; và thực hành “định tán

nhị thiện”10 tức thu nhiếp tất cả pháp thiện của thế gian và xuất thế gian khiến trở thành pháp hành của Tịnh độ.

Bất cộng pháp: Là pháp hành đặc biệt của pháp môn Tịnh độ, tức một lòng chuyên niệm danh hiệu: Nam Mô A Di Đà Phật. Như kinh Vô Lượng Thọ nói: “nhất tâm chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ”. Quán Kinh nói: “chuyên trì danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ”. Kinh A Di Đà nói: “nghe nói đến Phật A Di Đà liền thọ trì danh hiệu của Ngài”.

Tất cả quan điểm trên đây cũng chính là muốn nói chỉ cần có sự tồn tại của nhân gian và thiện pháp xuất thế của phật giáo như “phát tâm Bồ-đề, đọc tụng đại thừa” v.v thì tịnh độ là pháp môn có thể thực hành, nhân vì hồi hướng thiện pháp xuất thế này tức là pháp hành của Tịnh độ. Nhẫn đến tuy trong nhân gian đã không còn tồn tại thiện pháp xuất thế của phật giáo, nhưng chỉ cần có sự tồn tại thiện pháp của thế gian như “hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng” v.v, thì Tịnh độ vẫn là pháp môn có thể thực hiện, vì

10 Định tán nhị thiện: Sự thực hành thiện pháp của tâm định tỉnh và tâm tán loạn. Tất cả thiện pháp của thể gian và phật giáo đều không ngoài hai loại thiện pháp này. Trong Quán Kinh Sớ có nói rõ: “định tức là dứt suy nghỉ để trụ tâm vào một chỗ, tán tức là bỏ ác để tu thiện. Hướng về hai pháp hành này để cầu nguyện vãng sanh”.

hồi hướng thiện pháp của thế gian chính là pháp hành của Tịnh độ. Thậm chí ngay cả khi hai loại thiện pháp của thế gian và phật pháp không còn tồn tại để mọi người thực

hiện trên cõi đời này nữa, thì pháp môn Tịnh độ vẫn được thực hành, vì bất cứ thời gian nào, bất cứ địa điểm nào, bất cứ nhân duyên hoàn cảnh nào, bất cứ người nào cũng có thể thực hiện niệm một câu danh hiệu: A Di Đà Phật. Trong Quán Kinh nói: "người chuyên tạo tác năm tội ngỗ nghịch11 và mười trọng tội12, đến khi sắp chết tướng địa ngục hiện ra, đối với tất cả thiện pháp của thế gian và xuất thế gian người ấy đều không thể thực hiện, nhưng nếu chỉ xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật từ một tiếng cho đến mười tiếng, thì người ấy trang nghiêm được vãng sanh Cực Lạc". Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói: "một vạn năm sau, đến thời của Bồ-tát Pháp Tạng, nhân dân trong nước đều chuyên làm ác, không làm thiện, tất cả thiện pháp của thế gian và xuất thế gian đều không còn tồn tại, nhưng nếu có người chỉ xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, thì tùy ý nguyện đều được vãng sanh".

Tìm hiểu kỉ nguyên nhân ấy, chúng ta thấy đều bắt nguồn từ giáo chủ A Di Đà Phật, vì đến thời của Pháp Tạng đã thấu đạt tính chất của các pháp và chúng sanh "bỏ khó lấy dễ, bỏ thấp hèn lấy thù thắng" nên kiến lập thệ nguyện: lấy sáu chữ hồng danh (Nam Mô A Di Đà Phật) để tổng nhiếp vạn đức khiến phàm ngu trong đời xấu ác nếu có xưng niệm thì đều được vãng sanh.

Phật giáo có vô lượng pháp môn tu, nhưng chưa có pháp môn nào phổ biến, tồn tại vĩnh cửu trong nhân gian, giáo hóa nhân gian, đem lại lợi ích cho nhân gian như pháp môn Tịnh độ! Nếu có pháp môn khác chỉ có bậc thánh trí thực hiện, còn phàm ngu không thể thực hiện; xưa kia có thể thực hiện, thời nay không thể thực hiện, thì tính chất nhân gian của pháp môn ấy còn bị hạn chế. Tính nhân gian của pháp môn Tịnh độ thật vô hạn. Thệ nguyện của Phật Di Đà là để hướng dẫn tiếp độ kẻ phàm ngu. Đây chính là đặc chất thứ hai thuộc tính nhân gian của pháp môn Tịnh độ.

11 Năm tội ngỗ nghịch: 1. Giết cha. 2. Giết mẹ. 3. Giết bậc A-la-hán. 4. Làm thân phật chảy máu. 5. Phá hòa hợp tăng. 12 Mười trọng tội: 1.sát sanh. 2. Trộm cướp. 3. Dâm dục. 4. Nói dối. 5. Buôn rượu. 6. Nói xấu người khác.7.Khen mình chê người. 8. Bỏn xẻn keo kiệt. 9. Giận giữ không nguôi. 10. Phỉ bang Tam bảo.

c. Pháp môn Tịnh độ đem lại lợi ích rốt ráo viên mãn cho nhân gian.

Do nhân loại bị khiếm khuyết về tự thân nên không thể bảo đảm hành động và nhu cầu cần thiết của họ một cách hợp lý và có lợi ích, ngược lại, họ chất chứa đầy dẫy những nhân tố có hại và phi lý. Nếu căn cứ vào ý nguyện "chán khổ tìm vui" vốn có của con người mà nói, thì văn minh của nhân loại càng tiến bộ chừng nào, những tội ác hắc ám cũng tiến theo chừng ấy. Điều này xảy ra là vì nhân loại không có nhận thức chính xác và thiếu phương pháp nhận biết hữu hiệu về niềm vui thế nào, nỗi khổ ra sao, hay lìa khổ được vui thế nào. Hoặc vì sự an vui của mình, của gia đình, của đất nước mình mà gây tổn hại đến sự an vui của người khác, của gia đình khác và quốc gia khác; hoặc vì sự an vui ngắn ngủi tạm thời trước mắt mà gây tổn hại đến sự an vui lâu dài ở tương lai. Quan sát rõ tất cả hiện tượng không bình đẳng, sự thực phạm tội và nguy cơ xung đột tồn tại hiện thực trong nhân gian nên chính trị, pháp luật, đạo đức, tôn giáo đã có nhiều nổ lực tất yếu để hướng dẫn nhận thức của chúng ta đi theo con đường đúng đắn

và khiến hành vi của chúng ta trở thành mẫu mực. Pháp môn Tịnh độ của phật giáo chính là sớm mở ra một đường lối chân chính hết sức rõ ràng và cung cấp phương pháp căn bản nhất để nhân gian có thể thực hiện một cách dễ dàng.

Kinh Di Đà nói: "đức Phật kia có vô lượng ánh sáng (hào quang) chiếu khắp cả mười phương cõi nước không hề có chướng ngại cản trở, cho nên Ngài có danh hiệu là A Di Đà Phật. Tuổi thọ của đức Phật ấy và nhân dân trong nước của Ngài là vô lượng vô biên kiếp không thể tính toán, cho nên Ngài được gọi là A Di Đà Phật. Chúng sanh nghe như vậy, nên phát nguyện vãng sanh về cõi nước của Ngài. Nếu người nghe nói đến danh hiệu A Di Đà Phật liền thọ trì...., thì liền được vãng sanh về cảnh giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà". Cảnh giới Cực Lạc rốt ráo triệt để và phương pháp để đạt được cảnh giới An Lạc này chính là sớm tối trong miệng chỉ chuyên cần xưng niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật thuộc pháp môn Tịnh độ.

Tất cả những bất hạnh thống khổ của nhân loại đều bắt nguồn từ vô minh sanh tử, và biểu hiện ra ngay trong lưu chuyển vô thường; hạnh phúc khoái lạc tột đỉnh của nhân loại tức là phá trừ vô minh—Vô Lượng Quang, vĩnh viễn siêu thoát sanh tử--Vô Lượng Thọ. Tuy nhiên, con đường dẫn đến đạt được cảnh giới này chính là quy mạng đức Phật A Di Đà (Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ), miệng thường xưng danh hiệu đức Phật ấy.

Pháp môn Tịnh độ không chỉ là nhu cầu tất yếu của nhân gian và nhân gian có thể thực hành, mà còn bảo đảm nhu cầu và hành vi này phù hợp với chân lý, đem lại lợi ích viên mãn thiết thực cho mình và người, quốc gia và dân tộc trong hiện tại và tương lai, trong đời này và vĩnh kiếp về sau một cách rốt ráo. Do vậy, hoàn toàn không có sự xung đột lợi ích giữa mình và người, giữa hiện tại và tương lai.

Nay căn cứ vào ba phương diện: tự thân, người khác và quốc gia thế giới để nói sự lợi ích cho nhân gian của pháp môn Tịnh độ.

1. Pháp môn Tịnh độ đối với lợi ích của tự thân.

Nếu nói rộng ra, thì có vô lượng thứ lợi ích, nhưng nay chỉ gói gọn trong hai lãnh vực để trình bày, đó là: lợi ích trong hiện tại và lợi ích trong tương lai.

Lợi ích trong hiện tại bao gồm có mười một thứ: (1) Di Đà trụ đảnh13. (2) Phật quang hộ thân14. (3) Chư phật hộ niệm. (4) Bồ tất tương tùy15. (5) Minh chúng hộ trì16. (6) Tịnh trừ tội chướng. (7) Tăng trưởng phước tuệ. (8) Lìa các khổ nạn. (9) Tuổi thọ kéo dài. (10) Đầy đủ thiện nghiệp. (11). Nhập vào chánh định.

Lợi ích trong tương lai gồm có bốn thứ: (1) Doạn trừ luân hồi. (2) Vãng sanh Tịnh Độ. (3) Thành tựu Phật quả/ (4) Rộng độ chúng sanh.

Trên đây là nói về mười lăm thứ lợi ích trong hiện tại và tương lai đối với tự thân khi thực hành pháp môn Tịnh độ. Nên biết, lời nói chân thực của Phật tổ không bao giờ hư vọng: xưa nay đều đúng đắn và được thể nghiệm chứng minh một cách rõ ràng. Có người buông lời cho rằng pháp môn niệm phật của Tịnh độ không đem lại ích lợi trong hiện đời, điều này thật sự là vô cùng hiểu lầm. 13 Di Đà trụ đảnh: Đức Phật A Di Đà

luôn luôn an trú trên đỉnh đầu để bảo vệ hành giả khiến hành giả không đánh mất chánh niệm, và tâm luôn trụ vào danh hiệu của Ngài. 14 Phật quang hộ thân: Ánh hào quang của phật A Di Đà thường xuyên bảo về thân tâm của hành giả khiến hành giả không lo sợ bị tà ma vọng niệm quấy nhiễu. 15 Bồ tát tương tùy: Bồ tát thường tùy nguyện của hành giả mà đến khuyến khích trợ giúp hành giả trong việc tu hành để khỏi thất niệm. 16 Minh chúng hộ trì: Hành giả được các vị thiện thần luôn luôn đến hộ trì khiến hành giả không quên chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà.

2.Pháp môn Tịnh độ đối với lợi ích của người khác.

Khi bản thân mình đạt được lợi ích, nếu chí thành niệm Phật hồi hướng cho người khác, thì người khác cũng đạt được lợi ích. Lợi ích này thật vô lượng, nhưng ở đây chúng ta chỉ nêu ra một hai ví dụ để minh chứng. Như cha mẹ niệm Phật, thì con cái được miễn trừ khổ nạn; con cháu niệm Phật, thì tổ tiên được siêu thăng v.v

Hơn nữa, chỉ cần được vãng sanh thì có thể thành Phật, và thành Phật tức là rộng độ chúng sanh. Như vậy, tự lợi và lợi tha rốt ráo viên mãn.

3.Pháp môn Tịnh độ đối với sự lợi ích của gia đình, quốc gia, thế giới.

Nếu nói rộng về sự lợi ích này, thì có vô lượng. Tuy nhiên, nay chỉ nêu ra những điều thiết yếu của lợi ích đó. Từ phạm vi nhỏ như sự phân tranh xung đột của gia đình, của đoàn thể cho đến phạm vi rộng lớn như sự phân tranh xung đột của xã hội, của quốc gia và tất cả sự phân tranh xung đột của thế gian đều bắt nguồn từ sự tranh dành lợi ích lẫn nhau, cũng bắt nguồn từ quan điểm nhân ngã17 hạn cuộc trong địa cầu nhỏ bé này, và tư tưởng chỉ giới hạn trong một đời ngắn ngủi, nghĩa là “ánh lửa léo trong đá, liền phân tranh ngắn dài; sừng trên dầu ốc sên, nhất quyết tranh trống mái”18. Nếu có thể thực hành niệm phật theo pháp môn Tịnh độ, luyến mộ cõi nước huỳnh kim (Cực Lạc) cách đây mười vạn ức cõi, nguyện vô lượng kiếp thân tâm thường tự tại, thì năm dục như tài sắc v.v của thế gian chỉ sợ không kịp tránh xa, và các vấn đề rất nghiêm trọng như vũ khí hạt nhân, chiến tranh khu vực, nguy cơ nguyên tử, hoàn cảnh ô nhiễm, khủng bố, bạo lực, tình dục, độc phẩm v.v đang quấy nhiễu nhân loại trong xã hội hiện nay cũng đều biến tiêu mất dạng. Như kinh Vô Lượng Thọ nói:

17 Nhân ngã: Người và mình, nghĩa là chúng ta luôn mang nặng quan điểm phân biệt giữa mình và người khác, hay so sánh hơn thua giữa mình và người khiến nảy sinh xung đột phân tranh. Bởi vậy, đức phật dạy chúng ta phải dẹp bỏ quan điểm nhân ngã phân biệt để nhập vào chánh niệm vô phân biệt. 18 “Lửa lóe lên trong đá, liền phân tranh ngắn dài; sừng trên đầu ốc sên, nhất định tranh trống mái: Đây là một câu thành ngữ dân gian của Trung Quốc, ý muốn nói con người hay đem khái niệm phân biệt của mình để ắp đặt cho hiện tượng sự vật nên thường mắc phải sai lầm mà không hề hay biết, nhưng lại luôn bảo thủ quan điểm của mình là đúng nên thường xảy ra xung đột lẫn nhau. Cũng như mới thấy ánh lữa lóe lên trong đá hoặc sừng trên đầu con ốc sên liền cho rằng là điềm này điềm khác, tranh dành đúng sai gây ra xung đột lẫn nhau.

“Với thần thông tự tại của Phật khiến xã tắc quân binh không đâu là không hóa sanh. Tuy nhiên, thiên hạ hòa thuận, mặt trời mặt trăng sáng soi, mưa gió đúng thời, tai ương

không khởi. Hơn nữa, quốc thới dân an, binh đao không dùng đến. Và luôn sùng đức hưng nhân, chuyên tu lễ nghĩa". Như vậy, sao không khiến mọi người hướng vãng sanh!

Tịnh độ là pháp môn mọi người có thể thực hành và thực sự đem lại lợi ích viên mãn cho tự thân, người khác, gia đình, quốc gia và thế giới. Nếu căn cơ và giáo pháp tương ưng, thì mang đến lợi ích vô cùng tận. Đây là đặc chất nhân gian thứ ba của pháp môn Tịnh độ

Chương IV

SỨ MẠNG NHÂN GIAN PHẬT GIÁO CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Phật giáo trong thời đại hiện này phát triển ra sao? Người xưa đã căn cứ vào các kinh điển để rút tỉa tinh túy, nương vào truyền thống để có được gợi ý đề xuất tư tưởng nhân gian phật giáo khiến ngay trong hiện thực tạo ra sự tìm tòi nghiên cứu có lợi ích và thực nghiệm một cách tích cực.

Đa phần người thực hành theo Tịnh độ đều nương vào ưu thế của pháp môn, nhớ tưởng lòng từ bi của đức Phật A Di Đà để xả bỏ tự ngã của mình và xem nhân gian phật giáo là sứ mạng vốn có của mình.

1. Định vị lịch sử.

Phật giáo xưa nay luôn chú trọng đến sự phát triển khế lý và khế cơ. Từ khi truyền nhập vào Trung Quốc, Phật giáo đã dung hợp với tính dân tộc, văn hóa và truyền thống của Trung Quốc. Đến cuối đời Tùy Đường, phật giáo được phân chia thành tám tông phái đại thừa rất sán lạn. Sau đó, được truyền thừa tương tự, mang

lại ích lợi cho vô biên chúng sanh, hoàn toàn không hạn cuộc trong một thời đại nào hay một chúng sanh nào.

Từ đời nhà Tống trở về sau, pháp môn của các tông phái này dần dần suy yếu, cuối cùng, đều hàm dung trong pháp môn Tịnh độ. Chỉ có pháp môn Tịnh độ là nguy nga tráng lệ, dù trãi qua thời gian rất lâu xa, nhưng vẫn hoàn toàn mới mẽ. Nếu căn cứ vào hai phương diện: đặc chất phật giáo và đặc chất nhân gian của pháp môn này mà phân tích, thì tất cả các pháp môn đều là chân giáo của đức Thích Ca Mâu Ni, đều là hướng dẫn chúng sanh đạt được xuất thế giải thoát và rốt ráo thành phật, cũng chính là muốn nói đặc chất của phật giáo hoàn toàn tương đồng, nhưng vì pháp môn của các tông phái ấy không phổ biến và thích ứng lâu dài trong bất cứ thời đại nào hay chúng sanh nào như pháp môn Tịnh độ, nghĩa là vì tính sai biệt thuộc đặc chất nhân gian của pháp môn nên rốt cuộc dẫn đến xuất hiện cục diện "các tông suy yếu, chỉ có Tịnh độ hưng thịnh". Do đó, chúng ta thấy rõ đặc chất nhân gian của pháp môn mang tầm vóc quan trọng như thế nào đối với sự hưng suy tồn vong của pháp môn!

Lich sử đã chứng minh chỉ có pháp môn Tịnh độ mới có thể phổ biến, thích ứng lâu dài với bất cứ thế gian nào, đồng thời tùy thuận tiến trình phát triển của thời đại hiện nay, và trong việc đề cao tinh thần nhân gian phật giáo, tất nhiên cũng chỉ có pháp môn

Tịnh độ ghánh lấy trọng trách này!

2. Định vị hiện thực.

Tuy còn thiếu tư liệu để thống kê một cách xác thực rõ ràng, nhưng căn cứ sự quan sát nhiều năm của người viết, trong tất cả tín đồ phật giáo có đủ chánh tín về quan niệm sanh tử, thì trên chín mươi phần trăm đều mong cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Bất luận tăng hay tục, trong việc tu trì thường ngày, đa phần đều hồi hướng về Cực Lạc. Bất luận tông phái nào, khi lâm chung trợ niệm, thảy đều xướng tụng Phật A Di Đà. Ngay cả việc khấn cầu tai qua nạn khỏi, tổ tiên siêu thăng, con cháu hiếu thảo, lành bệnh mạnh khỏe cho mình hay người khác, cũng đều không lìa khỏi xướng niệm đức Phật A Di Đà. Trên các bức tường trong chốn tùng lâm hay tự viện đâu đâu cũng ghi rõ danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Trong các khóa tu sớm chiều thường ngày của chư tăng hay cư sĩ đều tụng kinh A Di Đà và niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà. Thầy truyền cho đệ tử cũng nhất định bảo

hãy cố gắng niệm Phật. các tự viện lớn thảy đều thiết lập niệm phật đường (chỗ niệm phật) , tổ chức phật thất (tuần niệm phật). Các đoàn thể cư sĩ trong niệm phật đường đều đồng loạt niệm phật tổ. Tín đồ phật giáo khi gặp nhau, chào hỏi, cáo biệt cũng đều lấy câu A Di Đà Phật làm mực thước giao tiếp. Các bé nhỏ khi thấy sư tăng cũng nói A Di Đà Phật. Thế gian nghỉ đến phật giáo, ấn tượng trước hết cũng là A Di Đà Phật.

Nói chung, pháp môn Tịnh độ của Phật A Di Đà đã dung nhập đến từng mọi gốc độ trong hiện thực nhân gian, và xuyên suốt qua từng chi tiết của sanh tử nhân ngã. Bởi vậy trong thời Dân Quốc, Đại sư Thái Hư đã từng nói: “một câu A Di Đà Phật đại diện cho toàn thể phật giáo Trung Quốc”.

Như vậy, nếu thiếu chất xúc tác đầy dinh dưỡng của pháp môn Tịnh độ, nếu không có sự tham dự của người thực hành Tịnh độ, thì có thể nói nhân gian phật giáo sẽ giống như nước không có nguồn, cây không có gốc rễ.

Căn cứ vào sự xuất phát từ hiện thực này, sự hoằng dương nhân gian phật giáo tất nhiên cũng chính là sứ mạng trách nhiệm quan trọng của người thực hành pháp môn Tịnh độ phải ghánh vác.

3. Dùng ví dụ để chứng minh.

Cá nhân và thế gian luôn hòa hợp bện chặt như cái nồi đun nước. Phiền não tham sân của nhân loại như lò lửa cháy hừng hực mãi không dứt. Sự duy trì của pháp luật và đạo đức ở thế gian giống như võ bộc của cái nồi đun nước. Và con người chính là nước nằm trong cái nồi nấu nước ấy.

Trong thời đại hiện nay, khoa học kỉ thuật phát triển cao độ, một mặt sự nổ lực sáng tạo của con người đã đạt đến trình độ phát huy cực lớn, mặt khác sự tham cầu vật dục có xu hướng ngày càng bành trướng khiến các nguy cơ xung đột ngày càng gia tăng, lương tâm ngày càng bị sa sút, giá trị đạo đức ngày càng suy đồi. Cũng như nồi nước sôi bắc trên lò lửu. Lửa bên dưới nồi càng lúc càng bóc cháy hừng hực khiến sức nóng bên ngoài nồi càng lúc càng thấm vào, nước bên trong nồi sôi sùng sục khiến áp lực nhiệt

độ càng lúc càng tăng cao, rồi đến một lúc nào đó toàn bộ cái nồi sẽ rơi vào tình trạng cháy rụi rất nguy hiểm. Hiện thực cho thấy càng lúc càng nhiều người không thể chịu đựng nỗi áp lực rất lớn nên dẫn đến tự

sát, tất cả mọi hiện tượng thế giới đều sẽ bị thuốc nổ tiêu hũy; tình huống chính là như vậy!

Các nhân sĩ tri thức luôn luôn lo lắng về điều này. Do vậy, họ kêu gọi hoàn thiện pháp luật, đề cao đạo đức, tăng cường đối thoại, tìm cầu hợp tác cũng giống như tiếp sức cho mặt ngoài của nồi nước; khai triển văn hóa giải trí, tu thân dưỡng tánh, trau dồi tư tưởng tình cảm cũng như quạt gió vào nồi khiến cho nhiệt độ tỏa ra và hạ xuống. trong một phạm vi nhất định, tuy các phương thức này đều có hiệu quả, nhưng chẳng phải là cách giải quyết triệt để tận gốc.

Nếu căn cứ vào con đường thông suốt của pháp môn trong phật giáo mà nói, thì dứt trừ lửa tham sân liền chứng đạt vô sanh. Ngĩa là khi lửa bên ngoài đã dứt thì nước bên trong cũng ngưng sôi, không còn áp lực nào tác động đến, đây vốn là cách giải quyết triệt để. Tuy nhiên, phàm phu hiện đời không ai có khả năng thực hiện, nên tuy nói chỉ có một cửa, nhưng cửa ấy đã đóng bít.

Pháp môn Tịnh độ của phật giáo kêu gọi mọi người nhàm chán Ta-bà (trần gian) và vui cầu sanh về Cực Lạc, cũng như bên dưới nồi nước không còn chút lửa nào, trên miệng nồi có một lỗ thông hơi, nghĩa là tuy lửa tham sân chưa dứt, nước trí tuệ chưa ngưng động, nhưng cũng có thể nhanh chóng giải tỏa được áp lực khiến trở nên an lạc không còn lo lắng.

Người tu theo pháp môn Tịnh độ trong đời này, tuy nội tâm chưa diệt sạch lò lửa tham sân, nhung nhờ có nhận thức sâu sắc về những thống khổ bất an của tự thân và người khác, của quốc gia và thế giới nên họ đã căn bản nhàm chán những thống khổ ấy, đồng thời không đắm trước dục vọng của cá nhân cũng như không phát sanh xung đột kịch liệt cho tự thân, người khác và toàn thể thế giới, vì như vậy chỉ làm cho tự thân và người khác càng thêm thống khổ. Căn cứ vào những điều cơ bản trên đây mà nói, thì người thực hành pháp môn Tịnh độ không mong cầu, không truy tìm cũng không luyến ái gì ở thế gian này, họ không có hận thù và hoàn toàn không hề chấp thủ. Họ đã thực sự buông xã và tâm của họ trở nên bình yên. Họ dùng đôi mắt an hòa để nhìn về chính mình, nhìn về người khác và toàn thể thế giới. Họ nghỉ rằng: “Ta thực sự phải làm một điều gì đó cho người khác?” Điều này giống như lửa dưới đáy nồi đã xuất ra ngoài nồi, làm cho người khác càng thêm ấm áp.

Người thực hành pháp môn Tịnh độ, tâm của họ đã an trú trong cõi nước Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi nước. Sống trong cõi nước này, họ đã thực sự nghỉ ngơi an ổn và đạt được năng lượng tinh khôi. Đôi mắt họ luôn luôn hướng về cõi nước ấy, vốn không còn thuộc về thế gian này, do đó, họ không muốn chiếm hữu bất cứ một cây một cỏ trong cõi đời này và họ đã trở thành nhân dân của thế giới khác. Giống như một người đi xa xứ đã không thuộc về xứ này. Người ấy thực tâm nói rằng: “ta đã từng đắc tội với nhiều người, vô cùng xin lỗi, mong các vị tha thứ cho! Trước khi ra đi, tôi có thể làm gì

cho các vị?". Ra đi chính là viễn xứ. Người ấy nghỉ đến cả một đời gây tổn thương cho rất nhiều người, bởi vậy mới nhận thức được để sám hối, và khởi thực tâm để sám hối. Người ấy nghỉ đến một đời được nhiều người đối xử tốt như vậy nên rất ăn năn tội lỗi của mình mà sanh thực tâm cảm tạ. Người ấy nói: "tôi cần phải ra đi! Đa tạ các vị! Xin các vị thứ lỗi cho! Chúc quý vị an lành!". Người muốn cầu sanh về Tịnh Độ phải nên dùng tâm cám ơn, hối lỗi, khiêm nhường như vậy để dối đãi với tất cả mọi người. Tâm của người ấy luôn luôn hòa bình, không bạo động, từ bi khoan dung, khiêm nhường nhẫn nhịn, tịch tịnh hoan hỷ. Người ấy không bị áp lực căng thẳng của các nhiệt não khổ đau ràng buộc thông qua danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, một mực hướng về không gian rộng lớn của cõi nước Tịnh Độ và sống dưới ánh hào quang của đức Phật. Người ấy thấy được điềm lành với mây ngũ sắc trang nghiêm giữa hư không vô tận.

Pháp môn Tịnh độ của đức Phật A Di Đà đối với áp lực căng thẳng của nội tâm con người và tất cả nguy cơ xung đột của thế gian, cũng giống như việc đặt để bình nước đậy kín đã hoàn toàn không còn áp lực, an toàn tuyệt đối. Pháp môn Tịnh độ đem tâm chúng ta hướng về cõi nước Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm, quang minh hòa bình. Nhờ vậy, chúng ta bình thản thư nhàn trước những khổ nạn trong thế giới này, đồng thời đạt dược rốt ráo an lạc.

Nhân gian đầy dẫy các khổ đau nhiệt não và phân tranh xung đột nên cần đến phật giáo của từ bi thanh lương và trang nghiêm hòa bình để an ổn và cứu độ. Phật giáo của trí tuệ an vui và trí tuệ quang minh xưa nay chính là phá trừ sự mê mờ của nhân gian nhằm đem lại sự an lạc vĩnh hằng cho nhân gian. Đây không phải là sứ mạng của pháp môn Tịnh độ chăng!

Chương V

THỰC TIỄN PHẬT GIÁO NHÂN GIAN CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Thực tiễn phật giáo nhân gian của pháp môn Tịnh độ chính là cần thiết lập nên một nhận thức căn bản nhắm vào hiện thực. Có bảy yêu cầu cụ thể mà phật giáo nhân gian cần phải thực hiện như sau.

1..Nhận thức căn bản.

Pháp môn Tịnh độ lấy đặc chất của bản thể và bản hữu tự nhiên của các pháp làm nhân gian phật giáo viên mãn rốt ráo. Việc nổ lực hoằng dương pháp môn Tịnh độ rộng rãi chính là thực tiễn cơ bản hóa phật giáo nhân gian.

Pháp môn Tịnh độ trực tiếp xiển dương nguyện vọng ra đời hóa độ chúng sanh của Như Lai, khế hợp với nguyện cầu chán khổ tìm vui của tất cả quần sanh. Pháp môn này phổ biến khắp cả ba căn19, thu nhiếp cả độn căn và lợi căn20, là pháp

19 Ba Căn: Thiện, ác và vô ký (không thiện không ác). 20 Độn căn và lợi căn: Kinh Pháp Hoa nói "Như Lai rưới một trận mưa pháp, tùy theo hạng cây lớn nhỏ mà hấp thụ để có lợi ích". Có thể nói rằng cây lớn ở đây là hạng lợi căn, tức chỉ cho người thông minh với trí tuệ lanh

môn mà tất cả mọi người đều có thể thực hành, có thể chứng đắc xuyên suốt vị lai; không bỏ sản nghiệp của thế gian nhưng đạt thành quả vị xuất thế vi diệu; hiện đời được lợi lạc an ổn, vị lai vĩnh viễn thoát ra khỏi luân hồi; dùng tâm quyết định vãng sanh để thực hành đạo Bồ-tát ngay trong nhân gian; mình và người đều được lợi ích như nhau, thế giới đều huy hoàng sáng chói với một màu thanh tịnh. Tham khảo nguồn gốc thiết lập giáo và quá trình hoằng truyền của pháp môn này, chúng ta có thể thấy rõ ràng đặc chất nhân gian phật giáo: "nhu cầu tất yếu của nhân gian, nhân gian có thể thực hành và nhân gian có được lợi ích lớn" của nó.

Chúng ta chỉ cần nắm bắt ý nghĩa chân thực của pháp môn Tịnh độ, đi theo vết tích của các bậc thánh hiền, nổ lực hoằng dương pháp môn Tịnh độ trong hiện thực nhân gian, dùng mây thanh lương che kín nhiệt não của thế gian, đem nước cam lồ bất tử rưới khắp vô vàn chúng sanh đói khát. Điều này, tuy không hoàn toàn thuộc về danh nghĩa của nhân gian phật giáo, nhưng cũng góp phần tích cực thực hiện đặc tính chân thật của nhân gian phật giáo. Nói cách khác, đây chính là xứ sở căn bản thiết thực của nhân gian phật giáo.

2.Bảy yêu cầu cụ thể.

a. Kiến lập pháp môn Tịnh độ làm chủ đạo và dùng pháp môn của các tông phái khác hổ trợ khiến "nhất hô vạn ứng", cùng đẩy mạnh cục diện sự nghiệp của nhân gian phật giáo.

b. Tăng cường tuyên truyền "pháp môn Tịnh độ chú trọng vào hiện thực nhơn sanh, niệm phật mang lại lợi ích trong hiện tại và tương lai", hướng dẫn nhiều người chú tâm đến pháp môn niệm phật của Tịnh độ không hiểu lầm rằng "pháp môn này chỉ đem lại lợi ích trong đời sau chứ hiện đời không có lợi ích".

c. Hoằng dương giáo nghĩa tịnh độ của "hiện sanh nghiệp thành"21 và "nghiệp chánh định"22; ngay trong đời này có thể đạt thành nghiệp quyết định vãng

lợi có khả năng hiểu rõ giáo pháp của Phật ngya lập tức rồi thực tập đem lại lợi ích lớn cho mình và người; cây nhỏ ở đây là chỉ cho hàng độn căn, tức chỉ cho người có trí tuệ kém cõi nên phải nghe qua nhiều lần mới hiểu được giáo pháp rồi sau đó dần dần thực tập đem lại lợi ích cho mình và người. 21 Hiện sanh nghiệp thành: Trong hiện đời, sự nghiệp vãng sanh đã được thành tựu chứ không cần phải đợi đến khi lâm chung. Trong Vãng Sanh Luận Chú, Ngài Đàm Loan nói: "chỉ trong mười niệm đã rõ sự nghiệp vãng sanh thành tựu".

sanh chứ không cần phải dợi đến lúc lâm chung mới được vãng sanh, đồng thời hướng dẫn mọi người quan tâm đến pháp môn Tịnh độ không nên có cách nhìn sai lệch rằng "phải đợi đến khi lâm chung mới quyết định được vãng sanh".

d. Hãy loại trừ các điều không cần thiết, bỏ khó lấy dễ, và hoằng dương hạnh căn bản của Tịnh độ "một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà" sao cho phù hợp với mọi tầng lớp trong xã hội ở bất cứ thời đại nào, đồng thời giúp họ diệt trừ tâm sợ hải để dõng mãnh tinh tấn cầu tâm không vọng niệm với ý chí kiên định "không thể không được vãng

sanh”.

e. Hướng dẫn rộng rãi người tu theo pháp môn Tịnh độ khiến họ giữ vững tâm quyết định vãng sanh, thực hành hạnh Bồ-tát ở thế gian, trang nghiêm cõi nước nhằm đem lại lợi ích cho hữu tình, rộng kết tịnh duyên và cùng nhau quay về Cực Lạc.

f. Hướng dẫn người đời tin sâu luật nhân quả khiến họ dóc lỏng gìn giữ luân thường đạo lý, thực hiện các điều thiện dù nhỏ nhặt nhất để hồi hướng hướng về nước Cực Lạc, đạt được quả vị Bồ-đề rốt ráo viên mãn.

g. Nên hợp tác thực hiện những việc thiện với tất cả các lực lượng như chính trị, pháp luật, triết học, văn hóa, khoa học, đạo đức, tôn giáo v.v của thế gian để cùng nhau nâng đở nhân tâm hướng về điều lành và trong sáng, cùng nhau góp sức xoay chuyển vận mệnh kiến lập tương lai sán lạn.

Nên biết, dù đi ngàn dặm, cũng bắt đầu từ dưới bàn chân; nhân gian phật giáo đều hưng khởi từ chúng ta.

Biết không thể nhất thời làm phổ biến phật giáo khắp thế gian, trước hết cầu mong phổ cập đến một quốc gia.

Biết không thể phổ biến phật giáo khắp một quốc gia, trước hết cầu mong phổ cập đến một địa phương.

22 Nghiệp chánh định: Nghiệp quyết định vãng sanh. Ngthiax là khi thực hiện hạnh nghiệp này, thì nhất định được vãng sanh chứ hoàn toàn không mơ hồ. Trong Quán Kinh Sớ, Ngài Thiện Đạo nói: “một lòng chuyên niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà, bất kể thời gian xa gần cũng không hề gián đoạn, mỗi niệm nối tiếp nhau không dứt, thì gọi là nghiệp chánh định, thuận với thệ nguyện của đức Phật kia”.

Biết không thể phổ biến phật giáo khắp một địa phương, trước hết cầu mong phổ cập đến một gia đình.

Biết không thể phổ biến phật giáo cho toàn thể một gia đình, trước hết cần phải thực sự áp dụng cho bản thân.

Do có thân nên có gia đình; do có gia đình nên có quốc gia, ngấm ngầm xoay chuyển vệnh mệnh, lẳng lặng thay đổi sự đời. Từ một người đến mười người, từ mười người đến một trăm người triển chuyển khuyến hóa đem lại lợi ích vô cùng.

Như vậy, nếu một người vãng sanh, thì một người đạt được quả vị không thối chuyển; nếu mười người vãng sanh, thì mười người thành Phật. Thành Phật tức là biến khắp cả chín cõi, thu nhiếp hết mười phương23, tự tại vô ngại. Tuy nhiên, họ không quên cố quận, nên trở lại Ta-bà lấy nhân gian làm nền tảng căn bản để giáo hóa, vì chúng sanh trong cõi người rất siêng tu trì chánh pháp. Đây chính là phật giáo hóa nhân gian hay nhân gian được phật giáo hóa. Nghĩa là trong cõi đời đầy dẫy năm thứ xấu ác, phật giáo hiện làm ao sen bảy báu; đem chín phẩm thiện ác24 nhập vào một pháp giới chân thật không thối chuyển. Điều này thật khó lắm sao!

Kệ nói:

Nên chán khổ sanh tử,

Nên cầu sanh Cực lạc

Niệm Phật, được vãng sanh

Nhân gian thật phật giáo.

23 Mười phương: Theo kinh Di Đà, các thế giới được phân ra mười phương đó là: phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc, phương Trên, phương Dưới. 24 Chín phẩm thiện ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người, A-tu-la, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.